

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HC-ST

Ngày: 10 - 4 - 2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai về yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Hồng Luyện

2. Ông Lê Xuân Tý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 25/2023/TLST-HC ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HC, ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa:

1. *Người khởi kiện:* Bà Lý Thị T.

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Tấn T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch (là đại diện theo ủy quyền) (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Đoàn Văn B2 – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện C, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hoàng Văn C.

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

3.2. Ông Lý Văn B.

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

4. Người làm chứng:

Ông Phạm Thành T2

Nơi công tác: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện bà Lý Thị T trình bày: Bà có phần đất tọa lạc tại ấp Phước Long, xã Đông Phước A, chiều ngang khoảng 16m, chiều dài một bên khoảng 30m và bên còn lại khoảng 23m nằm giáp ranh với phần đất của ông Hoàng Văn C. Vào năm 2016, phần đất trên đã được cặm ranh xác định mốc giới thửa đất, có lập biên bản, được hộ dân lân cận ký giáp ranh, trưởng ấp xác nhận và cán bộ đo đạc tên Lê Văn T3 chứng kiến. Nguồn gốc là do cha ruột của bà nhận chuyển nhượng của bà HG và để lại cho bà và ông Lý Văn B (em trai của bà) mỗi người một phần. Khi Nhà nước mở lộ 925 đã cắt diện tích đất của gia đình bà ra làm 02 phần. Năm 2016, bà có chuyển nhượng toàn bộ phần đất ruộng nằm phía trên lộ (bên tay phải từ hướng Ngã Sáu chạy về Cái Chanh) nên bà về cất nhà trên phần đất còn lại phía dưới lộ 925 để ở. Đến tháng 01 năm 2022, bà biết được phần đất còn lại phía dưới lộ của bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn C vào năm 2010. Việc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn C là cấp sai thửa đất, chồng lấn lên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Bà hoàn toàn không có ký tên vào các biên bản họp dân về xác minh nguồn gốc đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, các chữ ký của bà trong các biên bản là do cán bộ địa chính làm khống. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 027519 cấp ngày 02/4/2010 cho ông Hoàng Văn C.

Người bị kiện UBND huyện C quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nhưng có văn bản trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất số 638, tờ bản đồ 04, diện tích 2.071m² đất tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo Biên bản xác minh ngày 05 tháng 3 năm 2010 của ông Phạm Thành T2 là cán bộ địa chính xã và Trưởng ấp P; Biên bản họp dân ngày 08 tháng 3 năm 2010 tại nhà ông Lê Văn S có sự tham dự của ông Phạm Thành T2, Phạm Thanh T4, Nguyễn Văn H, Phạm Văn M và 10 hộ dân gồm ông (bà) Hồ Nghĩa H1, Lê Văn D, Trần Ngọc M1, Trương Văn T5, Lý Văn T6, Lê Thị A, Nguyễn Thị Đ, Lê Văn D, Lê Hoàng T7 và Lê Văn S và được UBND xã Đ xác nhận thể hiện thửa đất trên có nguồn gốc từ cha mẹ ông C để lại từ trước 1975, canh tác ổn định từ trước đến nay, không ai tranh chấp.

Về quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số 638, tờ bản đồ 04, diện tích 2071m² đất tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 25 tháng 01 năm 2010, ông Hoàng Văn C liên hệ Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C để thực hiện đo đạc. Thửa đất số 638 có vị trí phía Đông tiếp giáp bà Nguyễn Thị T8, Nguyễn Văn H2, phía Tây tiếp giáp Kinh Thủy Lợi 10,00m, phía Bắc tiếp giáp lộ Ngã Sáu cũ 6,0m và phía Nam giáp lộ nông thôn 3,0m. Đồng thời, các hộ có sử dụng đất liền kề ký xác nhận.

Đồng thời, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất ban hành Thông báo số 04B/TB.VPĐKQSDĐ ngày 22 tháng 02 năm 2010 niêm yết tại UBND xã Đ trong thời gian 30 ngày kể từ ngày niêm yết và được UBND xã Đ xác nhận ngày 22 tháng 3 năm 2010 trong thời gian niêm yết không ai tranh chấp. Đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 46, khoản 3 Điều 49 và khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai 2003 được hướng dẫn bởi khoản 2 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ. Trường hợp ông Hoàng Văn C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đúng quy định pháp luật. Do đó, người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn C trình bày: Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông thì ông T2 có nói có cấp luôn một phần đất của bà T khoảng hơn 70m² đất mương cho ông, do phần đất bà T ít quá không thể tách ra cấp cho bà T, nếu sau này bà T yêu cầu sẽ tách phần đất đó ra trả lại cho bà T. Phần đất cấp mé lộ ông đã nhận chuyển nhượng của ông Lý Văn B (em bà T) chiều ngang 03m. Nay ông chỉ đồng ý trả lại phần mương, còn phần bờ không đồng ý trả. Phần nào dư không phải của ông thì ông trả lại. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông thì bà T không có ký nhưng khi mua bán giữa ông với ông B thì bà T có biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn B quá trình giải quyết vụ án vắng mặt và có văn bản trình bày:

Trước đây, ông có kêu ông C đưa cho gia đình ông 1,5 gia lúa để cho đắp cái bờ làm đường đi từ lộ vô tới phần đất của ông C, ông không có bán đất cho ông C. Thời điểm ông C làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông và gia đình ông không hay biết.

Tại phiên tòa,

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày quan điểm:

Giữ nguyên các ý kiến, quan điểm theo văn bản số 2722 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Ý kiến của người làm chứng ông Phạm Thành T2: Tại thời điểm xác minh về nguồn gốc đất, bà T có mặt tuy nhiên bà T có công việc đã về trước nên không ký vào biên bản xác minh. Đối với việc đo đạc xác định diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, ông không phải là người thực hiện nhiệm vụ này nên ông không biết và không có ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Lý Thị T yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00055 (số seri BA 027519) do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 02/4/2010 cho ông Hoàng Văn C. Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Lý Thị T trình bày bà biết được việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn C vào khoảng tháng 01 năm 2022 và có gửi đơn thưa đến Ủy ban nhân dân huyện C. Theo hồ sơ thể hiện ngày 28 tháng 12 năm 2022, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 583/VP về việc trường hợp bà Lý Thị T, Ngày 24/3/2023 Ban tiếp công dân của VP.HĐND & UBND huyện C có văn bản số 33/TCD về việc trả lời đơn của bà Lý Thị T; Ngày 18/4/2023, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Hậu Giang đã lập biên bản trao đổi, giải quyết phản ánh về hồ sơ

cấp giấy chứng nhận của ông Hoàng Văn C có nội dung: Giao Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C có thư mời gửi ông Hoàng Văn C về địa phương làm việc để trao đổi, thống nhất thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cho ông C theo quy định, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã có thư mời ông C 03 lần nhưng ông C không có về. Đến tháng 8/2023 thì bà Lý Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang. Như vậy, tính từ ngày bà T biết được ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T đã khiếu nại đến các cơ quan nhưng giải quyết không có kết quả và bà T tiếp tục khởi kiện ra Tòa án nên xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay, người bị kiện vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C, ông B vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung

[2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ vào khoản 2 Điều 52 của Luật đất đai năm 2003 thì Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00055 ngày 02 tháng 4 năm 2010 cho ông Hoàng Văn C là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về hình thức: Ban hành đúng hình thức theo quy định của Thông tư số 17/20009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

[2.3] Về nội dung, trình tự, thủ tục: Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ Khoản 1 Điều 46, Khoản 3 Điều 49 và Khoản 4 Điều 50, Điều 123 Luật Đất đai 2003, Khoản 2 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00055 ngày 02 tháng 4 năm 2010 cho ông Hoàng Văn C là đúng về điều kiện, thủ tục.

Tuy nhiên xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C thấy rằng, ông C và bà Tiếp làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào cùng thời điểm và 02 thửa đất nằm cặp ranh với nhau, theo bản mô tả ranh giới thì thửa đất của ông C nằm cặp lộ 925 còn thửa đất của bà T8 không ra tới lộ 925 mà thể hiện giáp với thửa đất của ông B (em của bà T) rồi mới đến lộ 925. Như vậy phần đất của ông C giáp ranh với cả phần đất của ông B nhưng ông B lại không được ký tứ cận xác định ranh.

Mặt khác, đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C đề ngày 08/3/2010 nhưng biên bản họp dân xác định nguồn gốc đất lập ngày 05/3/2010, tức

là trước ngày ông C làm đơn là không đúng trình tự được quy định tại Điều 14 Nghị định 88/2009/NĐ – CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ. Biên bản họp dân mặc dù có đủ 10 người dân ký tên vào biên bản tuy nhiên chỉ có 02 người có ý kiến là bà T và ông Lê Văn D trình bày về nguồn gốc đất của ông C là do cha mẹ của ông C để lại nhưng không có chữ ký của bà T, về phía bà T cho rằng bà không biết và không được tham gia cuộc họp. Những người còn lại không trình bày ý kiến và trong biên bản không thể hiện rõ những người này có cùng sinh sống cùng ấp, khu vực nơi có đất của ông C hay không theo quy định khoản 4 Điều 3 Nghị định 84/2007/NĐ - CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ. Trong khi đó, theo sổ mục kê thể hiện những hộ sinh sống có đất xung quanh thửa đất với ông C như ông H3, ông H4, ông Đ, ông B thì hoàn toàn không được lấy ý kiến xác minh.

Trong đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên bản xác minh, biên bản họp dân ghi nguồn gốc do của cha, mẹ của ông C để lại nhưng quá trình tố tụng tại Tòa án, ông C có mặt và thừa nhận ông có phần đất được bà ngoại vợ là bà Bùi Thị B1 cho cấp sông Cái Muông, về phía bà T cho rằng trước đây gia đình bà có cho bà ngoại vợ của ông C ở nhờ trên phần đất cấp Sông Cái Muông, như vậy lời khai của bà T và ông C là thống nhất về nguồn gốc và đều không giống với nội dung ghi trong hồ sơ cấp giấy cho ông C nêu trên.

Hơn nữa, khi xác minh đã cho rằng cha, mẹ của ông C để lại diện tích đất thuộc thửa 638 để cấp giấy cho ông C nhưng thửa 638 trong sổ mục kê đứng tên ông L mà cha của ông C không phải là ông L, và theo bản đồ thể hiện vị trí thửa 638 giáp kinh Ngã Cạy. Trên thực tế phần đất của ông C đang sử dụng giáp với Rạch C nên việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C theo thửa 638 trên sổ mục kê là không chính xác về vị trí và cũng không có cơ sở về nguồn gốc.

Bên cạnh đó, căn cứ vào hồ sơ trích lục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000406 cấp ngày 24/12/1994 của bà T được Trung tâm công nghệ cung cấp thể hiện hồ sơ cấp giấy nêu trên có 02 đơn, 01 đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và 01 đơn xin nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo hồ sơ thu hồi đất của bà T để thực hiện dự án mở lộ 925 trong đó có đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện thu hồi 72,1m² thuộc trường hợp đất có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

Như vậy bà T chỉ có một thửa đất tại ấp P và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000406 cấp ngày 24/12/1994 cho bà T thì diện tích được cấp giấy giáp từ ấp P1 đến rạch C. Đến ngày 02/10/2010, Ủy ban nhân dân huyện C tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00055 cho ông Hoàng Văn C diện tích trên giấy 2.071m² có hình thể từ lộ 925 đến sông C nhưng trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng cho ông C không thể hiện việc thu hồi giấy đã cấp cho bà T trước đây dẫn đến chỉ cùng một diện tích đất trên thực tế đã được cấp trong hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hơn nữa, ông C cũng thừa nhận phần diện tích đất của ông được cấp trong giấy trong đó có hơn 70m² đất là của bà T, cán bộ địa chính và ông đều biết việc này nhưng cán bộ địa chính nói do đất nhỏ không tách thửa được nên cấp chung cho ông C, khi nào bà T có yêu cầu thì tách cho bà T. Ông C thừa nhận phần đất bà ngoại của ông cho ông nằm giáp sông C, còn phần đất mặt tiền Giáp lộ 925 ông nhận chuyển nhượng của ông B chiều ngang chỉ 03m. Về phía ông B, bà T cho rằng chỉ cho ông C đi nhờ lối đi ngang khoảng 1,5m. Tuy nhiên, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C 11,8m là không có căn cứ. Do đó xác định diện tích, số đo tứ cận phần đất của ông C quản lý, sử dụng không đúng với diện tích, số đo trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C.

[3] Từ các phân tích trên, xác định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C không đúng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên C thiết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00055 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/10/2010 cho ông C để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đúng trình tự, thủ tục, đúng với diện tích, số đo, vị trí diện tích đất của ông C trên thực tế. Trường hợp các bên có phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất thì khởi kiện thành vụ án dân sự.

[4] Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị T là có căn cứ để chấp nhận. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện phải chịu theo quy định pháp luật là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015;

Khoản 1 Điều 46, Khoản 3 Điều 49, Khoản 4 Điều 50, Điều 52, Điều 123 Luật Đất đai 2003;

Điểm d khoản 2 Điều 106, Điều 204 của Luật đất đai năm 2013;

Thông tư số 17/20009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Nghị định 84/2007/NĐ - CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ.

Nghị định 88/2009/NĐ – CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị T

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BA 027519, số vào sổ CH00055 ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hoàng Văn C.

Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn C đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 10/4/2024. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THA DS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thọ